

Bản án số: 46/2018/HSST
Ngày 31 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/TL - HSST ngày 03/8/2018, đối với bị cáo:

Họ tên: Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 10/8/1982;

ĐKNKTT: Xã Đình Chu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Trung Kiên, xã Đ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; bố đẻ: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949 đã chết; mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, hiện cư trú tại xã Đình Chu, huyện Lập Thạch; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Trần Anh T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: thôn Trung Kiên, xã Đình Chu, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn Trung Kiên, xã Đình Chu, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị L, sinh năm 1964

Nơi cư trú: thôn Phương Lâu, xã An Hòa, Tam Dương, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài L có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 07/8/2006 đến ngày 24/8/2006, Nguyễn Ngọc A đã thực hiện 02

vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã Đình Chu. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 20h ngày 07/8/2006, A đi bộ đến nhà chị Nguyễn Thị Nh mục đích để trộm cắp tài sản. Tới nơi, quan sát thấy gia đình chị Nh đóng cửa không có ai ở nhà, A đi ra cửa phía sau dùng tay giật bung cánh cửa ra. Thấy trong nhà bật điện sáng, A đến vị trí chiếc tủ để tivi kê ở gian giữa lấy chìa khóa mở ngăn tủ bên trái theo hướng nhìn từ ngoài vào trộm cắp 01 chiếc túi giả da bên trong có tiền và một số giấy tờ. Sau đó A cầm chiếc túi đi ra phía sau nhà kiểm tra thấy có 500.000đ (gồm 05 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000đ), 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị Nh; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trung Quý là em trai chị Nh; 01 quyển sổ ghi số điện thoại; 01 chiếc kính dâm đựng trong bao. A lấy số tiền 500.000đ cùng Giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe, 01 cuốn sổ ghi số điện thoại giấu vào trong người, số còn lại A vứt bỏ phía sau nhà chị Nh.

- Vụ thứ hai: Khoảng 19h30 phút ngày 24/8/2006, Nguyễn Ngọc A đi bộ qua nhà A Trần A T thấy không có ai ở nhà, cổng không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A đi đến phía cánh cửa gian cạnh bên trái nhìn từ ngoài vào dùng 02 tay giật mạnh làm cánh cửa bật ra. A đi vào trong nhà đến vị trí đặt chiếc tủ Bích phê tại gian giữa và dùng 01 thA sắt ở gầm giường nhà A T cạy cánh tủ bên trái. Khi cánh tủ bung ra, A quan sát thấy đáy tủ để 500.000đ (gồm 05 tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000đ) nên lấy toàn bộ số tiền này đút vào túi rồi đi đến chiếc giường kê bên trái. A thấy trong gầm giường có để 01 chiếc cặp số nên lấy ra mang cất giấu ngoài đường cái rồi đến sân đình xã Đình Chu xem ca nhạc. Một lúc sau, A về nhà cho quần áo của mình vào 01 chiếc túi xách rồi đến vị trí cất giấu chiếc cặp số vừa trộm cắp được của gia đình A T. A mở cặp số ra thấy có nhiều đồng hồ nhãn hiệu RADO quai tay màu đen và OMEGA có quai tay màu vàng, A cho toàn bộ số đồng hồ vào túi xách rồi đi bộ sang huyện Tam Dương và vứt bỏ chiếc cặp số trên đường đi, không xác định được vị trí cụ thể.

Khoảng 21h ngày 25/8/2006, A đi bộ về đến khu vực cầu Bến Gạo thì nhặt được 01 thA kiếm bằng kim loại dài 83cm (chuôi kiếm dài 19cm). Tại đây A gặp một người thA niên không rõ tên tuổi, địa chỉ đi xe máy về hướng huyện Tam Dương nên đi nhờ đến quán bia của chị Đào Thị L. A cùng người thA niên vào uống bia hết 110.000đ. Do không có tiền trả nên A để lại quán chị L 20 chiếc đồng hồ đã trộm cắp được hẹn hôm sau mang tiền sang trả thì chị L đồng ý. Khi đi bộ đến thôn Bắc, xã Hoàng Đan, huyện Tam Dương, A bị Công an xã Hoàng Đan phối hợp cùng Công an huyện Tam Dương phát hiện, bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách bên trong có 137 chiếc đồng hồ đeo tay A đã trộm cắp của gia đình A T; 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Thị Nh; 01 sổ ghi số điện thoại, 01 thA kiếm bằng kim loại dài 83cm (trong đó chuôi kiếm dài 19cm); 01 chiếc túi vải màu đen đã cũ có 4 ngăn; 04 chiếc áo sơ mi dài tay, 03 áo phông cộc tay và 02 chiếc quần đùi.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Xác định A là đối tượng đã thực hiện hành vi trộm cắp tại địa bàn huyện Lập Thạch, ngày 29/8/2006 Công an huyện Tam Dương đã bàn giao tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 25/9/2006, chị Đào Thị L và A Lê Văn Tài là người quen và được chị L cho 01 chiếc đồng hồ đã tự nguyện giao nộp số tài sản bao gồm 20 chiếc đồng hồ đeo tay cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch để phục vụ quá trình điều tra.

Tại bản kết luận số 21/HĐĐGTS ngày 31/8/2006 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận: Trị giá 137 chiếc đồng hồ điện tử đeo tay, trong đó có 77 chiếc đồng hồ quai tay màu đen mác RADO, 60 chiếc đồng hồ quai tay màu vàng mác OMEGA của A Trần A T trị giá 2.260.000đ.

Quá trình làm việc với Cơ quan Công an, lợi dụng sơ hở Nguyễn Ngọc A đã bỏ trốn và rời khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và ra Lệnh truy nã đối với A. Ngày 22/5/2018, A bị Cục C52 Bộ Công an bắt tại xã Suối Tre, thị xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch.

Đối với chị Đào Thị L, sau khi bị cáo A để lại 20 chiếc đồng hồ, chị L cho A Lê Văn Tài 01 chiếc. Bản thân chị L và A Tài đều không biết là tài sản do A trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người thA niên uống bia cùng A tại quán nhà chị L tối 25/8/2006, do A không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để triệu tập, điều tra, xử lý.

Đối với 01 chiếc cặp số, 500.000đ tiền mặt, 08 chiếc đồng hồ sau khi trộm cắp được của gia đình A T, A đã làm rơi trên đường đi sang huyện Tam Dương cùng và 500.000đ trộm cắp được của gia đình chị Nh, 110.000đ tiền uống bia nợ gia đình chị L. Quá trình điều tra A T, chị Nh và chị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Qua điều tra, xác định chủ sở hữu hợp pháp, ngày 03/10/2006 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần A T 157 chiếc đồng hồ đeo tay; cho chị Nguyễn Thị Nh 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 cuốn sổ ghi số điện thoại. A T, chị Nh đã nhận lại số đồ vật tài sản nêu trên và không có ý kiến đề nghị gì.

Đối với thA kiểm bằng kim loại là vũ khí thô sơ, bị cáo khai nhận được tại khu vực cầu Bến Gạo do không còn giá trị sử dụng và là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. 01 chiếc túi vải màu đen 04 ngăn, 04 chiếc áo sơ mi dài tay, 03 áo phông cộc tay và 02 chiếc quần đùi (đều đã cũ nát) là tài sản của Nguyễn Ngọc A không liên quan đến vụ án nên trả lại bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-KT ngày 02 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Nguyễn Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc A tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 03/10/2006, Cơ quan điều tra đã trả lại cho A Trần A T 157 chiếc đồng hồ đeo tay; cho chị Nguyễn Thị Nh 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 cuốn sổ ghi số điện thoại là có căn cứ.

Trả lại cho Nguyễn Ngọc A 01 chiếc túi vải màu đen 04 ngăn, 04 chiếc áo sơ mi dài tay, 03 áo phông cộc tay và 02 chiếc quần đùi (đều đã cũ nát).

Tịch thu tiêu hủy thA kiểm bằng kim loại.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc A số tiền 1.000.000đ để sung quỹ Nhà Nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc A khai nhận toàn bộ hành ngày 07/8/2006 trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Nh và ngày 24/8/2006 trộm cắp tài sản của A Trần A T như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng, ngoài ra không có lời bào chữa nào khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, traA luận, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tài L điều tra trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 20h ngày 07/8/2006, A đến nhà chị Nh trộm cắp 01 chiếc túi giả da bên trong có 500.000đ, 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị Nh; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trung Quý là em trai chị Nh; 01 quyển sổ ghi số điện thoại; 01 chiếc kính dâm. Khoảng 19h30 phút ngày 24/8/2006, Nguyễn Ngọc A đi bộ đến nhà A Trần A T trộm cắp 500.000đ và 01 chiếc cặp sổ có nhiều đồng hồ nhãn hiệu RADO quai tay màu đen và OMEGA có quai tay màu vàng, A cho toàn bộ số đồng hồ vào túi xách rồi đi bộ sang huyện Tam Dương và vứt bỏ chiếc cặp sổ trên đường đi.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật chứng đã thu hồi được, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài L chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều luật quy định: "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng

đến dưới 50 triệu đồng.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không chịu làm ăn chân chính mà đi lang thang nhằm mục đích lợi dụng sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Ngọc A trước khi phạm tội là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý hình sự về tội Trộm cắp tài sản và đã được xóa án tích. Nhưng qua lần bị xử lý đó bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại phạm tội do lỗi cố ý. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét tình tiết là sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ bị cáo có công với Nước được tặng thưởng Huân chương, do vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo A thấy rằng kinh tế gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án gồm có: Ngày 03/10/2006 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần A T 157 chiếc đồng hồ đeo tay; cho chị Nguyễn Thị Nh 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 cuốn sổ ghi số điện thoại. Xét thấy việc trả tài sản cho A T và chị Nh là đúng chủ sở hữu nên được xác nhận.

Đối với thA kiểm bằng kim loại là vũ khí thô sơ, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc túi vải màu đen 04 ngăn, 04 chiếc áo sơ mi dài tay, 03 áo phông cộc tay và 02 chiếc quần đùi (đều đã cũ nát) là tài sản của Nguyễn Ngọc A không liên quan đến vụ án nên trả lại bị cáo.

Đối với số tiền 500.000đ bị cáo A trộm cắp của A T và 500.000đ trộm cắp của chị Nh, mặc dù chị Nh và A T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền nêu trên. Nhưng xét thấy đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có, do vậy cần truy thu của bị cáo số tiền 1.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc A 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2018.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 03/10/2006, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần A T 157 chiếc đồng hồ đeo tay; cho chị Nguyễn Thị Nh 01 Giấy phép lái xe, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 cuốn sổ ghi số điện thoại là hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy thA kiếm bằng kim loại.

Trả lại cho bị cáo A 01 chiếc túi vải màu đen 04 ngăn, 04 chiếc áo sơ mi dài tay, 03 áo phông cộc tay và 02 chiếc quần đùi (đều đã cũ nát).

Truy thu của bị cáo A số tiền 1.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc A phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Lập thạch
- THA Lập thạch
- Công an Lập thạch
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- UBND xã Đình Chu
- Bị cáo
- Lưu hs+Vp

Trần Hữu Lực

